

Số: 01/2020/QĐST-DS

Thạch Thành, ngày 13 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Đào Anh Đức.

Thư ký phiên họp: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên họp: Bà Dương Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 01/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 07 năm 2019 về việc “ Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2019/QĐST-DS ngày 26/12/2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Nguyễn Thị H; sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Thôn 7, xã Thành Vân (nay là thị trấn Vân Du), huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến yêu cầu:

1. Bà Trần Thị Nh; sinh năm: 1968.

Địa chỉ: Thôn Vân Du, xã Thành Vân (nay là thị trấn Vân Du), huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

2. Ông Bùi Ngọc Th; sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Thôn Vân Du, xã Thành Vân (nay là thị trấn Vân Du), huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

3. Anh Bùi Duy Th; sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Thôn Vân Du, xã Thành Vân (nay là thị trấn Vân Du), huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

4. Anh Bùi Ngọc M; sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Thôn Vân Du, xã Thành Vân (nay là thị trấn Vân Du), huyện Thạch

Thành, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

5. Chị Nguyễn Thị L; sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Thôn Vân Du, xã Thành Vân (nay là thị trấn Vân Du), huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu đề ngày 17/6/2019 và trong bản tự khai 15/7/2019 cũng như trong quá trình giải quyết và tại phiên họp, chị Nguyễn Thị H trình bày: Do bà Trần Thị Nh vay tiền của chị nhưng không chịu trả. Sau nhiều lần đòi không được chị đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành để được giải quyết. Tại quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự số: 16/2018/QĐST- DS ngày 14/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành đã ghi nhận nội dung: “*Bà Trần Thị Nh có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền là 543.000.000đ (Năm trăm bốn mươi ba triệu đồng)*”. Tuy nhiên, trước đó bà Trần Thị Nh và chồng là ông Bùi Ngọc Th đã thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng trước khi Tòa án Thạch Thành ra Quyết định, theo đó vợ chồng bà Nh có tổng cộng 1.290m² đất thổ cư theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M861753 do UBND huyện cấp 01/4/1999. Phân chia cho bà Nh 408m² trong đó có 200m² đất ở và 208m² đất vườn tạp. Phần còn lại thuộc về ông Th, trong đó có ngôi nhà 2 tầng kiên cố trị giá khoảng 700.000.000đ và toàn bộ các vật dụng sinh hoạt khác. Về đất Lâm nghiệp: Hộ gia đình bà Nh có diện tích đất Lâm nghiệp là 20.000m², hộ gia đình bà Nh có 4 người, phân chia ra bà Nh được 5000m², trị giá khoảng 25.000.000đ, phần này cũng nhượng lại nhập cho ông Th để ông Th thu xếp tiền nộp án phí dân sự là 24.000.000đ. Như vậy, ông Th được quyền sở hữu gần như toàn bộ tài sản còn bà Nh chỉ được một phần nhỏ. Việc thỏa thuận này là trái pháp luật, vi phạm điều cấm của pháp luật để bà Nh trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho chị, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của chị. Nay chị H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành xem xét, giải quyết xác định phần quyền sở hữu tài sản của bà Nh trong khối tài sản chung với gia đình để buộc bà Trần Thị Nh phải dùng tài sản của mình thực hiện nghĩa vụ thi hành án và trả nợ cho chị số tiền 543.000.000đ (Năm trăm bốn mươi ba triệu đồng) theo quyết định của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành.

Tại bản tự khai ngày 12/7/2019, bà Trần Thị Nh trình bày: Trong tháng 4 năm 2016, bà có vay của chị Nguyễn Thị H số tiền là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), lãi xuất được tính là 3.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Lãi mẹ đẻ lãi con nên bà không trả được nợ cho chị H và đến tháng 12 năm 2017 số tiền gốc và lãi đã lên đến 543.000.000đ, trong khi đó bà còn vay tiền của nhiều hộ gia đình khác. Đến tháng 12 năm 2016, gia đình bà đã bán 3,1 ha đất và cây cao su trồng trên đất khoán của Nông trường Vân Du để trả nợ bớt cho các hộ mà bà đã vay tiền. Đến ngày 18/4/2018, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành đã về phân chia tài sản của gia đình bà để bà thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị Vương Thị H (địa chỉ: Thôn Phố Cát, xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa). Diện tích đất ở là 10m mặt đường dọc theo quốc lộ 45 và phân chia đất trồng rừng là 0,5 ha để nộp tiền án phí cho Chi cục

Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành. Hiện nay, bà không còn tài sản gì khác, đất ở và đất rừng đều thuộc quyền sở hữu của chồng và con bà.

Tại bản tự khai ngày 14/7/2019, ông Bùi Ngọc Th trình bày: Từ năm 2016, ông có nghe một số thông tin vợ ông là bà Trần Thị Nh có vay tiền của một số người trên địa bàn xã với số tiền lớn. Sau đó, đến cuối năm 2016 ông đã bàn bạc với gia đình bán diện tích đất nhận khoán của Nông trường Vân Du trồng cây cao su đang trong thời gian khai thác với diện tích là 3,1 ha với giá là 570.000.000đ để trả nợ cho vợ ông là bà Trần Thị Nh. Đến năm 2018, lại có đơn khởi kiện của chị Vương Thị H người cùng xã và đã được Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và sau đó Quyết định đã chuyển sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, gia đình ông đã thống nhất giải quyết với chị Vương Thị H, theo đó vợ chồng ông đã tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản để bà Nh dùng tài sản đó để thi hành án cho chị Vương Thị H. Hiện nay, theo giải quyết của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành thì nhà và đất ở cũng như đất lâm nghiệp thuộc quyền sở hữu của riêng ông, còn vợ ông không có tài sản gì khác trong gia đình. Đồng thời, ông Th cũng đề nghị cơ quan pháp luật làm rõ các đối tượng cho vay nặng lãi để những người không hiểu biết không bị mắc lừa.

Tại bản tự khai ngày 12/7/2019, anh Bùi Ngọc M trình bày: Anh là con trong gia đình của ông Th và bà Nh, trong thời gian từ năm 2016 đến năm 2018 thì mẹ anh có vay tiền lãi nặng của một số hộ gia đình, sau đó đã có đơn kiện của những người cho mẹ anh vay tiền. Chi cục Thi hành án huyện Thạch Thành đã phân chia nhà, đất ở và đất trồng rừng để mẹ anh thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Hiện nay, các tài sản còn lại đều thuộc quyền sở hữu của bố con anh, mẹ anh không còn tài sản nào trong gia đình.

Tại bản tự khai ngày 14/7/2019, chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị mới về làm dâu nhà ông Th và bà Nh từ tháng 9 năm 2018 nên việc mẹ chồng chị là bà Nh vay mượn tiền của người nào chị cũng không biết nên chị không có yêu cầu gì.

Tòa án đã Tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý việc dân sự và Giấy triệu tập để yêu cầu anh Bùi Duy Th (là con trai cả của ông Th và bà Nh) nhưng anh Th không có mặt nên không có ý kiến của anh Th trong hồ sơ vụ việc.

Tại biên bản phân chia tài sản chung vợ chồng ngày 18/4/2018 giữa ông Bùi Ngọc Th và bà Trần Thị Nh (Dưới sự chứng kiến của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành và chủ tịch UBND xã Thành Vân). Ghi nhận sự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng ông Th và bà Nh để bà Nh dùng tài sản được phân chia để thi hành nghĩa vụ thanh toán nợ cho chị Vương Thị H và nộp tiền án phí dân sự. Hai bên thống nhất thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng như sau:

- Về đất thổ cư: Phân chia cho bà Trần Thị Nh diện tích 408m², trong đó có 200m² đất ở và 208m² đất vườn tạp, cụ thể: Chiều dài mặt đường Quốc lộ 45 là 10m, cạnh giáp đất ông Th là 28m + 7,8m; Chiều giáp đất ông Th1 là 18,2m + 10m; Chiều đáy giáp đất ông Th2 là 23m; Chiều ngang giáp đất ông Ng là 5m. Diện tích đất này nằm trong tổng diện tích đất 1.024m² đất thổ cư theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M861753 do UBND huyện Thạch Thành cấp ngày 01/4/1999 mang tên Bùi Ngọc Th. Phần được phân chia, bà Nh tự nguyện giao cho chị Vương Thị H để trừ

vào nghĩa vụ thi hành án. Phần còn lại thuộc quyền sử dụng riêng của ông Bùi Ngọc Th, ông Th sở hữu, sử dụng 566m² đất và nhà ở trên đất cùng đồ đạc trong nhà thì có trách nhiệm thanh toán cho ông Phạm Tiến L số tiền 400.000.000đ, số tiền này hai vợ chồng vay để trả nợ Ngân hàng vào cuối năm 2017.

- Về đất lâm nghiệp: Hộ gia đình ông Bùi Ngọc Th có diện tích đất Lâm nghiệp là 20.000m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V685968 do UBND huyện Thạch Thành cấp ngày 04/02/2004 mang tên hộ ông Bùi Ngọc Th. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Lâm nghiệp thì hộ gia đình ông Th có 04 người gồm 02 vợ chồng và 02 người con là Bùi Duy Th và Bùi Ngọc M. Vì vậy, tài sản xác định phần đất bà Nh được sử dụng là ¼ diện tích đất nói trên, tương đương với 5.000m². Trị giá thời điểm phân chia khoảng 25.000.000đ, ông Th đề nghị sẽ thu xếp vay mượn nộp đủ số tiền 24.000.000đ tiền án phí dân sự để nhận quyền sử dụng diện tích đất mà bà Nh được phân chia để canh tác.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã có văn bản yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành cung cấp kết quả thi hành án đối với bà Trần Thị Nh theo quyết định số 315/QĐ-CCTHA ngày 15/6/2018 theo đơn yêu cầu của chị Nguyễn Thị H. Tại công văn số 218/CV-THADS ngày 11/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành đã trả lời: “Năm 2017, Chi cục Thi hành án tổ chức thi hành Quyết định số 12/2017/QĐST-DS ngày 08/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành. Theo đó bà Trần Thị Nh có nghĩa vụ thanh toán cho chị Vương Thị H số tiền: 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng). Ngày 18/4/2018, Chấp hành viên đã lập biên bản thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng đối với bà Trần Thị Nh và ông Bùi Ngọc Th. Nội dung thỏa thuận thống nhất chia cho bà Trần Thị Nh sử dụng 408m² đất thổ cư và 5.000m² đất lâm nghiệp. Bà Trần Thị Nh nhận tài sản được phân chia để thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho chị Vương Thị H và án phí dân sự, chị Vương Thị H có văn bản đồng ý nhận tài sản trừ vào nghĩa vụ thi hành án tương đương số tiền 400.000.000đ/1.200.000.000đ; 5000m² đất lâm nghiệp ông Th nhận để canh tác và có trách nhiệm nộp 24.000.000đ tiền án phí thay nghĩa vụ cho bà Nh. Phần còn lại 566m² đất thổ cư và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thuộc tài sản riêng của ông Bùi Ngọc Th; 1.500m² đất lâm nghiệp giao cho ông Bùi Ngọc Th và 02 người con là Bùi Duy Th và Bùi Ngọc M; ông Th có nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông Phạm Tiến L số tiền 400.000.000đ (tiền này do hai vợ chồng vay đáo hạn Ngân hàng). Do vậy, việc tổ chức thi hành Quyết định số 16/2018/QĐST-DS ngày 14/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành mà bà Trần Thị Nh phải thanh toán nợ cho chị Nguyễn Thị H số tiền 543.000.000đ (Năm trăm bốn mươi ba triệu đồng) và phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 12.860.000đ (Mười hai triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng), Chấp hành viên xác định chưa có điều kiện thi hành án là dựa trên căn cứ kết quả phân chia tài sản của vụ việc thi hành án trước đó để xác định bà Nh không còn tài sản để thi hành án. Vì vậy, việc tổ chức thi hành quyết định thi hành án số 315/QĐ-CCTHA ngày 15/6/2018 chưa có kết quả”.

Ý kiến của đại diện VKSND huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên họp:

- Về tố tụng: Việc Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành thụ lý vụ việc dân sự là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 9 Điều 27, khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 39 BLTTDS. Quá trình giải quyết vụ việc và tại phiên họp, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 366 và Điều 369 BLTTDS.

- Về nội dung: Việc chị Nguyễn Thị H yêu cầu xác định phần sở hữu của bà Trần Thị Nh trong khối tài sản chung với gia đình để thực hiện nghĩa vụ thi hành án. Tuy nhiên, hiện tại bà Nh và ông Th đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng và bà Nh đã dùng toàn bộ tài sản được phân chia để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị Vương Thị H và nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Việc thỏa thuận phân chia tài sản giữa ông Th và bà Nh được thực hiện trước khi Tòa án thụ lý vụ án giữa chị Nguyễn Thị H và bà Trần Thị Nh. Do đó, bà Nh không còn tài sản trong khối tài sản chung với gia đình nữa nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Về quyền yêu cầu: Do bà Trần Thị Nh là người phải thi hành án và chị Nguyễn Thị H là người được thi hành án nên chị H có quyền xác định quyền sử hữu, quyền sử dụng tài sản của bà Nh để thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 74 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự.

1.2. Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị H yêu cầu xác định quyền sử hữu, sử dụng tài sản của bà Trần Thị Nh để thi hành án đối với khoản nợ của chị nên theo quy định tại khoản 9 Điều 27, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Cả người yêu cầu và những người liên quan đến yêu cầu đều cư trú tại huyện Thạch Thành nên theo quy định tại khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 39 BLTTDS thì vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành.

1.3. Tại phiên họp, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Th, anh M và chị L vắng mặt lần thứ 2 không có lý do mặc dù đã được Thông báo hợp lệ. Căn cứ khoản 3 Điều 367 BLTTDS, Tòa án mở phiên họp vắng mặt những người này.

[2]. Đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị H, xét thấy:

2.1. Đối với đất thổ cư và ngôi nhà được xây dựng trên đất: Ông Th và bà Nh cũng thừa nhận đây là tài sản chung của vợ chồng được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Ông Bùi Ngọc Th và bà Trần Thị Nh đã tự thỏa thuận phân chia, theo biên bản phân chia tài sản chung vợ chồng ngày 18/4/2018. Theo đó, bà Trần Thị Nh được sử dụng diện tích 408m², trong đó có 200m² đất ở và 208m² đất vườn tạp. Phần còn lại thuộc quyền sử dụng riêng của ông Bùi Ngọc Th, ông Th sở hữu, sử dụng 566m². Phần đất được chia, bà Nh dùng để thực hiện nghĩa vụ thi hành án cho chị Vương Thị H. Đối với ngôi nhà xây dựng trên đất cũng do ông Th sở hữu, sử dụng và có trách

nhiệm thanh toán cho ông Phạm Tiến L số tiền 400.000.000đ, số tiền này hai vợ chồng vay để trả nợ Ngân hàng vào cuối năm 2017.

Việc thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng của ông Th và bà Nh là hoàn toàn tự nguyện và được quy định tại các Điều 38 và 39 Luật Hôn nhân và gia đình. Đến thời điểm hiện tại, phần đất mà bà Nh được chia đã sang tên cho chị Vương Thị H và anh Trần Ngọc Ch (chồng chị H) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 077123 do UBND huyện Thạch Thành cấp ngày 30/5/2018. Phần của ông Th được chia cũng đã làm thủ tục sang tên cho cá nhân ông Bùi Ngọc Th và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 077122 do UBND huyện cấp ngày 30/5/2018. Như vậy, có thể xác định bà Nh không còn phần quyền sở hữu, sử dụng nào trong khối tài sản trên, do đó không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của chị H đối với tài sản này.

Xét thấy, việc ông Th và bà Nh thỏa thuận giao ngôi nhà xây dựng trên đất cho ông Th và ông Th có trách nhiệm trả nợ cho ông Phạm Tiến L số tiền 400.000.000đ (là tiền vợ chồng vay để đáo hạn Ngân hàng). Việc thỏa thuận này là không có căn cứ vì số tiền mà ông Th và bà Nh nợ ông Phạm Tiến L chưa được giải quyết bằng Bản án (Quyết định) của Tòa án nhưng lại được ưu tiên thanh toán trước. Trong khi đó, giá trị của ngôi nhà chưa được định giá nên không có căn cứ để xác định là sẽ đúng, đủ với số tiền mà ông Th và bà Nh nợ của ông L. Chị H cho rằng việc thỏa thuận phân chia tài sản của ông Th và bà Nh là trái pháp luật, vi phạm điều cấm của pháp luật để bà Nh trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho chị, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của chị là có cơ sở. Tại Điều 42 Luật Hôn nhân và gia đình cũng quy định “chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân bị vô hiệu nếu nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ”. Do đó, dành quyền khởi kiện cho chị Nguyễn Thị H trong vụ án khác nếu có căn cứ cho rằng việc thỏa thuận phân chia tài sản của ông Th và bà Nh là để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ đối với chị.

2.2. Đối với đất lâm nghiệp: Hộ gia đình ông (bà) Bùi Ngọc Th có diện tích đất Lâm nghiệp là 20.000m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V685968 do UBND huyện Thạch Thành cấp ngày 04/02/2004. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Lâm nghiệp thì hộ gia đình ông Th có 04 người gồm 02 vợ chồng và 02 người con là Bùi Duy Th và Bùi Ngọc M. Vì vậy, tài sản xác định phần đất bà Nh được sử dụng là 1/4 diện tích đất nói trên, tương đương với 5.000m².

Ông Th và bà Nh thỏa thuận, ông Th sẽ thu xếp vay mượn nộp đủ số tiền 24.000.000đ tiền án phí dân sự để nhận quyền sử dụng diện tích đất mà bà Nh được phân chia để canh tác. Rõ ràng, việc phân chia giữa ông Th và bà Nh là trái quy định của pháp luật vì đây là tài sản chung của hộ gia đình và theo Điều 212 Bộ luật dân sự thì việc thỏa thuận phân chia phải được sự đồng ý của tất cả các thành viên trong gia đình. Bên cạnh đó, ông Th và bà Nh tự thỏa thuận về giá của diện tích đất trên khoảng 25.000.000đ là không có cơ sở vì diện tích đất trên chưa được định giá.

Mặt khác, đến thời điểm hiện tại diện tích đất trên vẫn đứng tên hộ ông (bà) Bùi Ngọc Th mà chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ. Tại phiên họp, ông Th và bà Nh cũng thừa nhận là chưa làm thủ tục sang tên, đổi chủ cho ai đối với diện tích đất này.

Như vậy, có thể xác định bà Nh vẫn còn $\frac{1}{4}$ quyền sở hữu, sử dụng đối với diện tích đất nói trên. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị H đối với khối tài sản này.

[3]. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 9 Điều 27, khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 366, Điều 369, Điều 370, Điều 371 và Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 74 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Điều 212 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ các Điều 38, Điều 39 và Điều 42 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Nguyễn Thị H: Xác định bà Trần Thị Nh có $\frac{1}{4}$ quyền sở hữu, sử dụng 20.000m² đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V685968 do UBND huyện Thạch Thành cấp ngày 04/02/2004 đứng tên hộ ông (bà) Bùi Ngọc Th và tài sản trên đất.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Nguyễn Thị H chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm chị H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số: AA/2016/0003694 ngày 28/6/2019, chị H đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị Nguyễn Thị H, bà Trần Thị Nh, ông Bùi Ngọc Th có quyền kháng cáo Quyết định này trong hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra Quyết định. Anh Bùi Duy Th, anh Bùi Ngọc M, chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo Quyết định này liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc kể từ ngày Quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành có quyền kháng nghị Quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị Quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra Quyết định.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

- Chi cục THADS huyện Thạch Thành;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Đào Anh Đức